

ỨNG DỤNG VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ NHÓM PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MÔN PICKLEBALL CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Phạm Thanh Giang⁽¹⁾; Hồ Trung Nghi⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 01/07/2026

Ngày phản biện: 23/07/2026

Ngày đăng: 31/08/2026

Tác giả liên hệ:

Phạm Thanh Giang

Email: giangpham@ufm.edu.vn

Tập 16, số 4 (2026), trang 64-71

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14251>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống, đề tài đã lựa chọn được 2 nhóm phương pháp giảng dạy môn Pickleball là: Nhóm phương pháp dạy học về lý thuyết môn Pickleball gồm: phương pháp thuyết trình, phương pháp trực quan, phương pháp Seminar. Nhóm phương pháp giảng dạy về thực hành môn Pickleball gồm: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, phương pháp lặp lại, phương pháp trò chơi và thi đấu, phương pháp giảng dạy nguyên vẹn, phương pháp ứng dụng công nghệ số. Việc ứng dụng nhóm phương pháp này trong thực nghiệm đã tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong quá trình học tập, giúp sinh viên nâng cao kỹ thuật cơ bản, tăng cường mức độ tích cực, chủ động trong luyện tập và cải thiện rõ rệt kết quả học tập so với phương pháp giảng dạy truyền thống tại Trường đại học Tài chính - Marketing.

Từ khóa: Pickleball; Sinh viên; Phương pháp; Giảng dạy, Trường đại học Tài chính – Marketing.

Applying and evaluating the effectiveness of pickleball teaching methods combination for students at the University of Finance and Marketing

Phạm Thanh Giang⁽¹⁾; Hồ Trung Nghi⁽²⁾

Article Information:

Received: 01/07/2026

Review date: 23/07/2026

Published: 31/08/2026

Corresponding Author:

Phạm Thanh Giang

Email: giangpham@ufm.edu.vn

Vol 16, Issue 4 (2026), pp 64-71

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14251>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

Using regular research methods, the study selected 2 groups of methods in teaching Pickleball. The first group is the theoretical group, which includes the lecture method, visual method, and seminar method. The second group is the practical group, which includes the explanation method, visual method, repetition method, game and competition method, and digital technology application method. The application of these method groups in the experiment resulted in clear improvements in the learning process. they helps students enhance their basic techniques, increase their level of active and proactive participation in practice, and significantly improve their learning outcomes compared with the traditional teaching methods used at the University of Finance and Marketing.

Keywords: Pickleball; Students; Methods; Teaching; University of Finance and Marketing

⁽¹⁾TS; ⁽²⁾ThS Trường Đại học Tài chính - Marketing

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, Pickleball là môn thể thao có tốc độ phát triển nhanh trên thế giới và đang từng bước được phổ biến tại Việt Nam. Với đặc điểm dễ tiếp cận, cường độ vận động phù hợp, luật chơi đơn giản và tính tương tác cao, Pickleball ngày càng được đưa vào chương trình giảng dạy, hoạt động ngoại khóa và phong trào thể dục thể thao tại các cơ sở giáo dục đại học. Việc đưa Pickleball vào giảng dạy không chỉ góp phần đa dạng hóa nội dung môn học Giáo dục thể chất mà còn đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe, phát triển kỹ năng vận động và nâng cao hứng thú học tập của sinh viên.

Tại Trường Đại học Tài chính – Marketing, Pickleball là môn học còn khá mới đối với phần lớn sinh viên. Qua quá trình giảng dạy cho thấy nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc tiếp thu kỹ thuật, khả năng phối hợp động tác còn hạn chế, mức độ hứng thú học tập chưa đồng đều và hiệu quả thực hành chưa đạt như mong muốn. Điều này đặt ra yêu cầu cần lựa chọn và ứng dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc điểm môn học, trình độ người học và điều kiện tổ chức giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Nghiên cứu "Ứng dụng và đánh giá hiệu quả nhóm phương pháp giảng dạy môn Pickleball cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing" được thực hiện nhằm lựa chọn và đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng học tập, phát triển kỹ năng thực hành và tăng hứng thú học tập môn Pickleball cho sinh viên, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp phỏng vấn; phương pháp kiểm tra sư phạm; phương pháp thực nghiệm sư phạm; phương pháp toán học thống kê.

Khách thể nghiên cứu: 142 sinh viên khóa 25 hiện đang học môn Pickleball tự chọn tại Trường đại học Tài chính – Marketing.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn nhóm phương pháp giảng dạy môn Pickleball cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing

Qua phỏng vấn giảng viên giảng dạy Pickleball trong trường và các trường Đại học trên địa bàn TP.HCM với 18 giảng viên, cho thấy các phương pháp nhận được sự đồng ý thông qua tỷ lệ phiếu cao trên 80% với hai nhóm phương pháp lý thuyết và thực hành: Ở nhóm phương pháp giảng dạy phần lý thuyết gồm: phương pháp thuyết trình, phương pháp trực quan, xemina và phương pháp giảng dạy thực hành gồm: phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, phương pháp lặp lại, phương pháp trò chơi và thi đấu, phương pháp giảng dạy nguyên vẹn, phương pháp ứng dụng công nghệ số.

Bàn luận về các phương pháp đã lựa chọn: Các phương pháp được lựa chọn đã giải quyết đồng thời hai nội dung cốt lõi của quá trình giảng dạy Pickleball là hình thành tri thức chuyên môn và phát triển kỹ năng thực hành. Đối với phần lý thuyết, phương pháp thuyết trình giúp truyền đạt có hệ thống các kiến thức nền tảng; phương pháp trực quan giúp người học dễ hình dung động tác, luật thi đấu và chiến thuật thông qua hình ảnh, video minh họa; phương pháp Seminar tạo điều kiện cho sinh viên trao đổi, thảo luận, nâng cao tư duy phản biện và khả năng tự học. Sự kết hợp này giúp chuyển quá trình tiếp nhận kiến thức từ thụ động sang chủ động.

Đối với phần thực hành, mỗi phương pháp đảm nhận một vai trò riêng nhưng có mối quan hệ hỗ trợ chặt chẽ. Phương pháp giảng giải giúp sinh viên hiểu đúng nguyên lý kỹ thuật; phương pháp trực quan hỗ trợ hình thành biểu tượng vận động chính xác; phương pháp lặp lại giúp củng cố và tự động hóa kỹ năng; phương pháp trò chơi và thi đấu tạo môi trường vận dụng kỹ thuật vào tình huống thực tiễn, đồng thời phát triển thể lực, tâm lý và khả năng phối hợp; phương pháp giảng dạy nguyên vẹn giúp sinh viên tiếp cận kỹ thuật trong bối cảnh thực tế của môn học; phương pháp ứng dụng công nghệ số (video phân tích động tác, quay chậm, phản hồi trực tuyến...) giúp tăng tính trực quan, phản hồi kịp thời và nâng cao hiệu quả tự đánh giá, điều chỉnh kỹ thuật.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn giảng viên về lựa chọn phương pháp giảng dạy môn Pickleball cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing (n=18)

Phần	TT	Các phương pháp	Kết quả phỏng vấn (n=18)			
			Quan trọng		Không quan trọng	
			m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %
Lý thuyết	1	Phương pháp thuyết trình	18	100	0	0
	2	Phương pháp trực quan	16	88.88	2	11.11
	3	Semina	15	83.33	3	16.66
Thực hành	1	Phương pháp giảng giải	18	100	0	0
	2	Phương pháp trực quan	18	100	0	0
	3	Phương pháp tập luyện lặp lại	18	100	0	0
	4	Phương pháp trò chơi và thi đấu	17	94.44	1	5.55
	5	Phương pháp giảng dạy nguyên vẹn	17	94.44	1	5.55
	6	Phương pháp ứng dụng công nghệ số	18	100	0	0

Các phương pháp này không tồn tại độc lập mà hình thành một quy trình dạy học thống nhất theo trình tự: hiểu kiến thức → quan sát mẫu → thực hiện kỹ thuật → luyện tập củng cố → vận dụng trong thi đấu → phản hồi và điều chỉnh bằng công nghệ số. Sự kết hợp này tạo nên tính liên kết giữa dạy học lý thuyết và thực hành, giữa hoạt động của giảng viên và hoạt động tự học của sinh viên.

Điểm mới của nghiên cứu không nằm ở việc sử dụng riêng lẻ từng phương pháp giảng dạy, mà ở việc xây dựng và ứng dụng một mô hình tích hợp các phương pháp giảng dạy lý thuyết và thực hành theo một trình tự khoa học, có sự hỗ trợ của công nghệ số. Mô hình này tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa quá trình truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, phát triển năng lực thi đấu và phản hồi kết quả học tập, qua đó nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Pickleball. So với phương pháp giảng dạy truyền thống chủ yếu dựa trên giảng giải và làm mẫu, mô hình được đề xuất tăng cường sự phối hợp giữa nhiều phương pháp giảng dạy, phát huy tính tích cực, khả năng trải nghiệm và sự tương tác của sinh viên trong suốt quá trình học tập. Đặc biệt, việc tích hợp công nghệ số vào quan sát, phân tích kỹ thuật và phản hồi kết quả học tập không chỉ nâng cao tính trực quan và độ chính xác trong đánh giá mà còn tạo điều kiện cá thể hóa quá trình học tập, giúp sinh viên kịp thời

điều chỉnh kỹ thuật và nâng cao hứng thú học tập. Đây là cơ sở quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy Pickleball, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực và chuyển đổi số trong giáo dục thể chất.

2. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả nhóm phương pháp giảng dạy môn Pickleball cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing

Tiến trình thực nghiệm được thiết kế theo 2 phần (phần lý thuyết và phần thực hành) giảng dạy môn Pickleball cho sinh viên học tự chọn môn Pickleball học kỳ 3 năm 2025. Đối tượng sinh viên (n= 142) chia thành 2 nhóm: nhóm thực nghiệm n = 72 và nhóm đối chứng n = 70 được lựa chọn một cách ngẫu nhiên theo lớp học.

Thời gian tổ chức thực nghiệm được tiến hành từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025: tương ứng với giáo án 1 đến giáo án số 10, cả 2 nhóm sinh viên được học cùng một nội dung chương trình, cùng một khối lượng kiến thức, cùng thời gian biểu và cùng thực hiện trong các điều kiện như nhau. Song phương pháp ứng dụng trong quá trình giảng dạy khác nhau, giảng viên giảng dạy khác nhau.

- Nhóm đối chứng được giảng viên giảng dạy theo phương pháp mà Trung tâm GDTC của Trường đang áp dụng.

- Nhóm thực nghiệm được giảng viên giảng dạy theo các phương pháp đã lựa chọn: Đặc biệt áp dụng phương pháp ứng dụng công nghệ số vào chương trình giảng dạy: Phương pháp ứng dụng công nghệ số được triển khai thông qua bài giảng điện tử, video kỹ thuật mẫu và hệ thống học tập trực tuyến. Trong giờ thực hành, giảng viên sử dụng thiết bị di động ghi hình, quay chậm động

tác để phân tích, sửa lỗi kỹ thuật và cung cấp phản hồi kịp thời cho sinh viên.

2.1. Đánh giá hiệu quả nhóm phương pháp giảng dạy môn Pickleball cho sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing

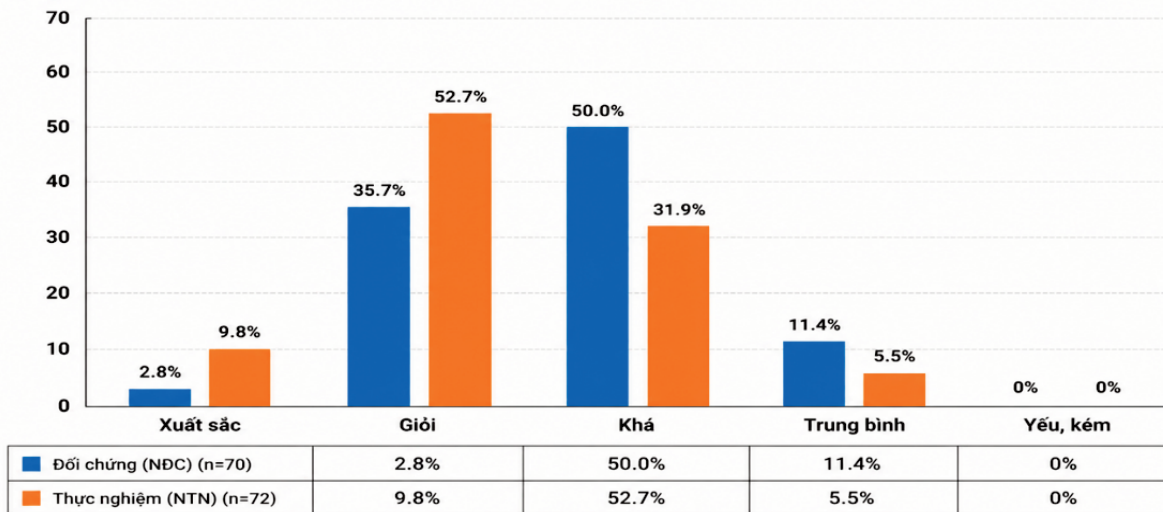
Đánh giá kết quả học tập lý thuyết môn Pickleball của sinh viên: đánh giá bằng phương pháp thi trắc nghiệm.

Bảng 2. So sánh kết quả học tập lý thuyết môn Pickleball của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng sau thực nghiệm

Phương pháp thi	Đối tượng	Kết quả xếp loại										$\bar{x} \pm \delta$	χ^2	P
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu, kém				
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%			
Thi trắc nghiệm	NĐC (n=70)	2	2.8	25	35.7	35	50.0	8	11.4	0	0	5.92± 1.83	11.15	<0.05
	NTN (n=72)	7	9.8	38	52.7	23	31.9	4	5.5	0	0	6.53± 2.04		

KẾT QUẢ THI TRẮC NGHIỆM

Tỷ lệ (%)



■ Đối chứng (NĐC) (n=70) ■ Thực nghiệm (NTN) (n=72)

Ghi chú: Các số liệu trên cột là tỷ lệ phần trăm (%)

Biểu đồ 1. So sánh kết quả học tập lý thuyết môn Pickleball giữa NĐC và NTN

Kết quả ở bảng số liệu và biểu đồ 01 cho thấy có sự khác biệt rõ rệt về kết quả thi trắc nghiệm giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $P < 0,05$, chứng tỏ trình độ nhận thức lý thuyết của nhóm thực nghiệm tốt hơn nhóm đối chứng.

Đánh giá kiểm tra năng lực thực hành trước thực nghiệm của hai nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng:

Qua bảng 3 cho thấy, trình độ kỹ thuật ban đầu của sinh viên ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng tương đối đồng đều, cả nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng chủ yếu tập trung ở

Bảng 3. So sánh kết quả kiểm tra năng lực thực hành môn Pickleball của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng trước thực nghiệm

Nội dung thi	Đối tượng	Kết quả xếp loại										$\bar{x} \pm \delta$	χ^2	P
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu, kém				
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%			
Dink bóng thuận tay	NĐC (n=7)	2	2.8	4	5.7	15	21.4	40	57.2	9	12.8	2.29 ± 0.86	0.76	>0.05
	NTN (n=72)	1	1.3	4	5.5	13	18.0	43	59.7	11	15.2	2.18 ± 0.80		
Dink bóng trái tay	NĐC (n=70)	0	0	2	2.8	14	20.0	43	61.4	11	15.7	2.10 ± 0.68	2.57	>0.05
	NTN (n=72)	0	0	2	2.7	11	15.3	40	55.5	19	26.3	1.94 ± 0.72		
Giao bóng vào ô	NĐC (n=70)	1	1.4	6	8.5	9	12.8	47	67.1	7	10	2.24 ± 0.81	0.60	>0.05
	NTN (n=72)	1	1.3	7	9.7	8	11.1	51	70.8	5	6.9	2.28 ± 0.79		>0.05
Đánh bóng vào tường 30 giây	NĐC (n=70)	0	0	5	7.2	14	20.0	41	58.5	10	14.2	2.20 ± 0.77	1.58	>0.05
	NTN (n= 72)	1	1.3	4	5.5	12	16.7	46	63.8	9	12.6	2.19 ± 0.78		>0.05

mức trung bình; tỷ lệ sinh viên đạt loại giỏi và xuất sắc còn thấp. sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $P > 0,05$. Điều này chứng tỏ hai nhóm có sự tương đương về trình độ trước khi tiến hành thực nghiệm.

Kết quả bảng 4 và biểu đồ 4 cho thấy, nhóm thực nghiệm đạt kết quả tốt hơn rõ rệt so với nhóm đối chứng ở cả kỹ thuật Dink bóng và kỹ thuật giao bóng. Sự khác biệt giữa hai nhóm đều có ý nghĩa thống kê với $P < 0,05$, chứng tỏ các phương pháp giảng dạy áp dụng trong thực nghiệm đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc nâng cao trình độ kỹ thuật cho sinh viên.

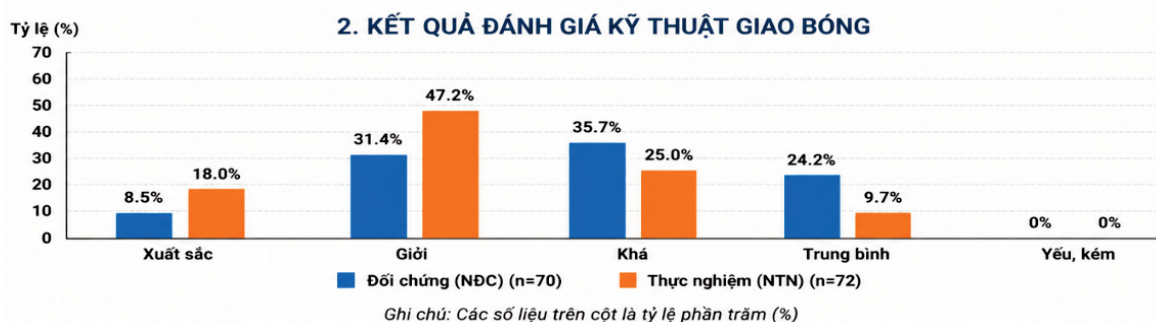
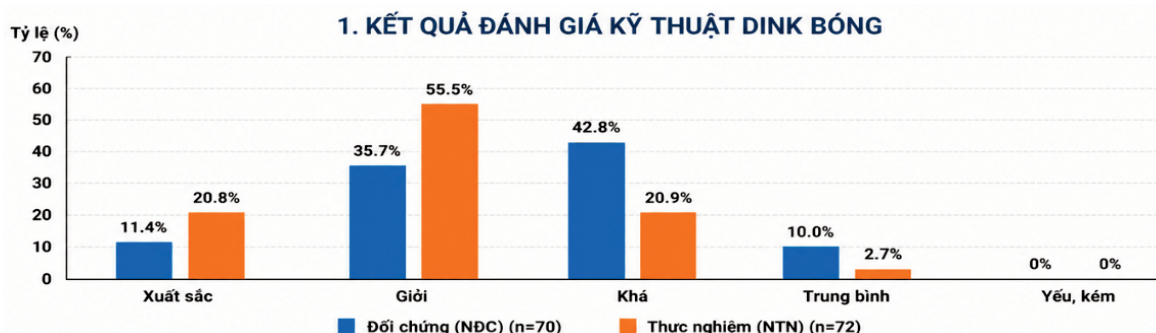
Đối với kỹ thuật Dink bóng, tỷ lệ sinh viên đạt loại giỏi ở nhóm thực nghiệm chiếm cao nhất với 55,5%, cao hơn nhiều so với nhóm đối chứng chỉ đạt 35,7%. Đồng thời, tỷ lệ đạt loại xuất sắc của nhóm thực nghiệm là 20,8%, gần

gấp đôi nhóm đối chứng (11,4%). Trong khi đó, tỷ lệ sinh viên đạt mức khá ở nhóm đối chứng lại chiếm ưu thế với 42,8%, cao hơn đáng kể so với nhóm thực nghiệm (20,9%). Điều này cho thấy trình độ của sinh viên nhóm thực nghiệm đã có xu hướng chuyển mạnh từ mức khá sang mức giỏi và xuất sắc. Ở mức trung bình, nhóm thực nghiệm chỉ chiếm 2,7%, thấp hơn nhiều so với nhóm đối chứng (10,0%). Cả hai nhóm đều không có sinh viên yếu, kém. Giá trị trung bình của nhóm thực nghiệm (3.94 ± 0.72) cũng cao hơn nhóm đối chứng (3.49 ± 0.83), phản ánh hiệu quả rõ rệt của phương pháp giảng dạy đối với kỹ thuật Dink bóng.

Đối với kỹ thuật giao bóng, kết quả cũng thể hiện xu hướng tương tự. Nhóm thực nghiệm có tỷ lệ sinh viên đạt loại giỏi là 47,2%, cao hơn nhóm đối chứng (31,4%). Tỷ lệ sinh viên đạt

Bảng 4. So sánh kết quả học tập thực hành môn Pickleball của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng sau thực nghiệm

Nội dung	Đối tượng	Kết quả xếp loại										$\bar{x} \pm \delta$	χ^2	P
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu, kém				
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%			
Kỹ thuật Dink bóng	NĐC (n=70)	8	11.4	25	35.7	30	42.8	7	10.0	0	0	3.49 ± 0.83	11.78	<0.05
	NTN (n=72)	15	20.8	40	55.5	15	20.9	2	2.7	0	0	3.94 ± 0.72		
Kỹ thuật giao bóng	NĐC (n=70)	6	8.5	22	31.4	25	35.7	17	24.2	0	0	3.24 ± 0.91	8.12	<0.05
	NTN (n=72)	13	18.0	34	47.2	18	25.0	7	9.7	0	0	3.74 ± 0.88		



Biểu đồ 4. So sánh kết quả kiểm tra kỹ thuật Dink bóng và kỹ thuật giao bóng thuận và trái tay giữa NĐC và NTN

loại xuất sắc của nhóm thực nghiệm đạt 18,0%, trong khi nhóm đối chứng chỉ đạt 8,5%. Ngược lại, tỷ lệ sinh viên đạt mức khá và trung bình ở nhóm đối chứng cao hơn đáng kể, lần lượt là 35,7% và 24,2%, so với 25,0% và 9,7% của nhóm thực nghiệm. Điều này cho thấy sinh viên nhóm thực nghiệm có sự tiến bộ tốt hơn về kỹ thuật giao bóng, với xu hướng tập trung nhiều ở

mức giỏi và xuất sắc. Giá trị trung bình của nhóm thực nghiệm (3.74 ± 0.88) cũng cao hơn nhóm đối chứng (3.24 ± 0.91), tiếp tục khẳng định hiệu quả của chương trình thực nghiệm.

Bàn luận về kết quả thực nghiệm: Qua nghiên cứu cho thấy nhóm thực nghiệm đạt kết quả thực hành cao hơn nhóm đối chứng. Điều này cho thấy việc tích hợp các phương pháp

giảng dạy tích cực với ứng dụng công nghệ số đã nâng cao hiệu quả tiếp thu và thực hiện kỹ thuật Pickleball. Quá trình quan sát, luyện tập, nhận phản hồi và tự điều chỉnh kỹ thuật giúp sinh viên hình thành kỹ năng nhanh hơn, thực hiện động tác chính xác và ổn định hơn. Trong khi đó, nhóm đối chứng chủ yếu học theo

phương pháp truyền thống nên khả năng tự đánh giá và điều chỉnh kỹ thuật còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả thực hành thấp hơn.

- Sau thực nghiệm, nghiên cứu đã đánh giá mức độ tích cực của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng với môn học Pickleball và được trình bày ở bảng 5.

Bảng 5. So sánh mức độ tích cực học tập của sinh viên với môn học Pickleball thời điểm kết thúc thực nghiệm

TT	Các tiêu chí đánh giá	Sinh viên						Giảng viên						x ²	P
		5	4	3	2	1	TB	5	4	3	2	1	TB		
Nhóm đối chứng		n=70						Giảng viên (n=5)							
1	Đảm bảo giờ giấc	10	27	13	10	10	3.24	1	2	2	0	0	3.89	2.15	<0.05
2	Chăm chú lắng nghe	7	25	18	12	8	3.15	1	2	1	1	0	3.00	0.57	>0.05
3	Chăm chỉ luyện tập	17	27	10	13	3	3.16	0	2	1	1	1	2.78	4.10	<0.05
4	Có ý thức chấp hành	20	23	13	12	2	3.11	1	2	1	1	0	3.01	0.46	>0.05
5	Đạt kết quả học tập	8	25	30	6	1	3.05	1	1	2	1	0	2.77	0.91	>0.05
Nhóm thực nghiệm		n=72						Giảng viên (n=5)							
1	Đảm bảo giờ giấc	20	30	15	5	2	3.70	2	2	1	0	0	3.67	0.30	>0.05
2	Chăm chú lắng nghe	18	32	10	12	0	3.76	1	2	2	0	0	3.75	1.65	>0.05
3	Chăm chỉ luyện tập	23	32	12	4	1	3.73	2	2	1	0	0	3.68	0.33	>0.05
4	Có ý thức chấp hành	30	25	10	7	0	4.08	1	2	2	0	0	3.43	1.35	>0.05
5	Đạt kết quả học tập	13	34	18	7	0	3.79	2	2	1	0	0	3.67	0.63	>0.05

Kết quả thực nghiệm cho thấy mức độ tích cực học tập của sinh viên nhóm thực nghiệm được cải thiện rõ rệt so với nhóm đối chứng. Điều này xuất phát từ việc các phương pháp giảng dạy được lựa chọn đã tạo ra môi trường học tập lấy người học làm trung tâm, trong đó sinh viên không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình khám phá, luyện tập, thảo luận và tự đánh giá kết quả học tập. Thông qua sự kết hợp giữa phương pháp trực quan, giảng giải, luyện tập lặp lại, trò chơi, thi đấu và ứng dụng công nghệ số, sinh viên được quan sát động tác chuẩn, thực hành nhiều lần, nhận phản hồi kịp thời và chủ động điều chỉnh kỹ thuật. Quá trình này giúp người học chuyển từ trạng thái học tập thụ động sang chủ động,

hình thành thói quen tự học, tự phân tích và tự hoàn thiện kỹ năng. Tạo ra nhiều hứng thú cho sinh viên và nâng cao tính tích cực học tập rèn luyện của sinh viên đối với môn học Pickleball.

KẾT LUẬN

Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn dạy học môn học Pickleball, nghiên cứu đã lựa chọn được 2 nhóm phương pháp dạy học là: Nhóm phương pháp giảng dạy về lý thuyết môn Pickleball gồm: phương pháp thuyết trình, phương pháp trực quan, phương pháp Seminar. Nhóm phương pháp giảng dạy về thực hành môn Pickleball gồm: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, phương pháp lặp lại, phương pháp trò chơi và thi đấu, phương pháp giảng dạy nguyên vẹn, phương pháp ứng dụng công nghệ số.



Pickleball hiện đang phát triển trong rất nhiều trường học các cấp tại Việt Nam

Việc ứng dụng nhóm phương pháp này trong thực nghiệm đã tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong quá trình học tập, giúp sinh viên nâng cao kỹ thuật cơ bản, tăng cường mức độ tích cực, chủ động trong luyện tập và cải thiện rõ rệt kết quả học tập so với phương pháp giảng dạy truyền thống.

Kết quả ứng dụng thực nghiệm sư phạm cho thấy nhóm phương pháp giảng dạy được lựa chọn có tính khả thi và hiệu quả cao, phù hợp với đặc điểm môn học và đối tượng sinh viên. Sự khác biệt có ý nghĩa giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đã khẳng định tính đúng đắn của việc lựa chọn và ứng dụng các phương pháp giảng dạy môn Pickleball theo hướng tích cực hóa người học.

Từ những kết quả trên, có thể khẳng định rằng việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn Pickleball là cần thiết và mang lại hiệu quả rõ rệt, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Như An. (1990). *Phương pháp dạy học giáo dục học (Tập 1)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Như An. (1990). *Phương pháp dạy học giáo dục học (Tập 2)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Phạm Đình Bẩm. (2003). “Nghiên cứu và ứng dụng phương pháp dạy học đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Thể dục Thể thao I”. Trong Kỷ yếu nghiên cứu khoa học Thể dục Thể thao Trường Đại học Thể dục Thể thao I (tr. 3–5). Nxb TĐTT Hà Nội.
4. Lê Khánh Bằng. (2001). *Phương pháp dạy học và cách học ở đại học*. Nxb Đại học Sư phạm.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2004). *Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới phương pháp dạy học*.
6. Nguyễn Đức Văn. (1994). *Toán học thống kê*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.